

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 07/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

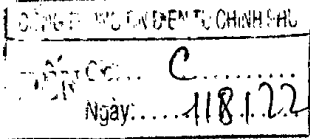
*Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách Trung ương giai đoạn
2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương thực
hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà
nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ
về việc giao kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai
đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 15/NQ-HĐND ngày
12/8/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai
đoạn 2021 - 2025; số 16/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về quy định phân cấp
nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp
ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; số 18/2021/NQ-*



HĐND ngày 09/12/2021 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021- 2025; số 04/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 về phân bổ vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét Tờ trình số 2458/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025

1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

1.1. Bổ sung nguồn vốn đầu tư công là 4.760.410 triệu đồng:

a) Vốn ngân sách Trung ương: 1.986.472 triệu đồng, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 957.945 triệu đồng;

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 12.637 triệu đồng;

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 1.015.890 triệu đồng.

b) Vốn ngân sách tỉnh 2.773.938 triệu đồng, bao gồm:

- Bội chi ngân sách nhà nước 55.300 triệu đồng (đã bố trí 02 năm 2021, 2022);

- Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và dự phòng năm 2021, năm 2022 (vốn giao đầu năm và bổ sung trong năm) 2.718.638 triệu đồng (Chi tiết theo Biểu số 06 đính kèm), trong đó: Bố trí các công trình, dự án, nhiệm vụ cấp tỉnh 1.638.690 triệu đồng; bố trí các công trình cấp huyện 1.079.948 triệu đồng.

1.2. Bổ sung danh mục các dự án đã được bố trí vốn năm 2021, năm 2022 từ nguồn hỗ trợ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh (vốn đầu tư tập trung; nguồn thu sử dụng đất; nguồn xổ số, bội thu ngân sách địa phương và nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, dự phòng) vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025

2.1. Tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân là 14.780.674 triệu đồng.

2.2. Tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh là 19.541.084 triệu đồng, trong đó đã thực hiện phân bổ 02 năm 2021, 2022 là 8.592.057 triệu đồng; số vốn giai đoạn 2023 - 2025 là 10.949.027 triệu đồng), bao gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương 8.956.346 triệu đồng, trong đó đã bố trí các năm 2021, 2022 là 3.424.979 triệu đồng, giai đoạn 2023-2025 là 5.531.367 triệu đồng;
- Vốn ngân sách địa phương 10.584.738 triệu đồng, trong đó đã bố trí các năm 2021, 2022 là 5.167.078 triệu đồng; giai đoạn 2023 - 2025 là 5.417.660 triệu đồng.

(Chi tiết theo Biểu số 01 đính kèm)

3. Phân bổ kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2023 - 2025 cho các nhóm ngành, lĩnh vực của các chương trình, dự án là 10.949.027 triệu đồng, bao gồm:

3.1. Vốn ngân sách Trung ương (hỗ trợ ngân sách địa phương) 4.008.675 triệu đồng;

3.2. Vốn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 1.522.692 triệu đồng;

3.3. Nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương: 5.417.660 triệu đồng, cụ thể:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung: 2.153.660 triệu đồng, trong đó: Dự phòng 10% là 320.080 triệu đồng; số vốn cân đối phân bổ giai đoạn 2023 - 2025 là 1.833.580 triệu đồng.

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 3.200.000 triệu đồng, gồm:

* Nguồn thu sử dụng đất ngân sách tỉnh hưởng 1.984.000 triệu đồng:

- Thực hiện nhiệm vụ chung 705.000 triệu đồng, trong đó:

+ Bố trí để thực hiện Đề án đo đạc, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính là 300.000 triệu đồng;

+ Bố trí để thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải giai đoạn 2021 - 2025: Dự kiến phân bổ 75% vốn đầu tư phát triển là 100.000 triệu đồng (Tổng dự toán khoảng 133.700 triệu đồng);

+ Bố trí để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng đầu giá đất (do tỉnh thực hiện): Dự kiến phân bổ 50% là 300.000 triệu đồng (Tổng dự toán khoảng 600.000 triệu đồng);

- Bố trí các công trình, dự án cấp tỉnh và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các nhiệm vụ khác là 1.279.000 triệu đồng, trong đó đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 456.500 triệu đồng;

* Nguồn thu sử dụng đất điều tiết ngân sách huyện, xã là 1.216.000 triệu đồng.

c) Nguồn xổ số kiến thiết: 64.000 triệu đồng (bố trí lĩnh vực Y tế và giáo dục - đào tạo).

(Chi tiết theo Biểu số 02 đính kèm)

(Các nội dung khác giữ nguyên theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Căn cứ số vốn đã phân bổ, thực hiện 02 năm 2021 - 2022, số vốn cân đối giai đoạn 2023 - 2025:

+ Hằng năm, trên cơ sở kế hoạch vốn được giao, tổng hợp, báo cáo đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua việc phân bổ chi tiết danh mục, mức vốn đầu tư năm kế hoạch và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 đảm bảo phù hợp khả năng cân đối nguồn lực thực tế và quy định của pháp luật về đầu tư công;

+ Tổng hợp, rà soát, báo cáo đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục chương trình, dự án, mức vốn bố trí từ số vốn còn lại giai đoạn 2023-2025 theo nhóm ngành, lĩnh vực thuộc ngân sách cấp tỉnh, đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức ban hành tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cân đối vốn ngân sách địa phương thực hiện đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia đúng theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBTVQH, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, P.CTHĐND (TL).

CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 ★ (theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 12/8/2021)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Thực hiện năm 2021 và năm 2022	Kế hoạch giai đoạn 2023-2025	
	TỔNG SỐ	14.780.674	19.541.084	8.592.057	10.949.027	
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	6.969.874	8.956.346	3.424.979	5.531.367	
I	Ngân sách Trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương	6.969.874	6.969.874	2.961.199	4.008.675	
1	Vốn trong nước	6.747.796	6.747.796	2.739.121	4.008.675	
-	Phân bổ theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	5.047.796	5.047.796	1.539.121	3.508.675	
-	Dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, lan tỏa, có tính chất liên tỉnh, liên vùng	1.700.000	1.700.000	1.200.000	500.000	
2	Vốn nước ngoài ODA	222.078	222.078	222.078		
II	Chương trình mục tiêu quốc gia		1.986.472	463.780	1.522.692	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số		957.945	182.255	775.690	
2	Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững		12.637	1.095	11.542	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		1.015.890	280.430	735.460	
B	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.810.800	10.584.738	5.167.078	5.417.660	Biểu số 02
I	Vốn đầu tư tập trung	3.200.800	3.200.800	1.047.140	2.153.660	
1	DỰ PHÒNG 10% (Nguồn ngân sách tập trung)	320.080	320.080		320.080	
2	TỔNG SỐ VỐN PHÂN BỐ	2.880.720	2.880.720	1.047.140	1.833.580	
-	Thực hiện nhiệm vụ chung	227.650	227.650	50.406	177.244	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 12/8/2021)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn 2021-2025			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Thực hiện năm 2021 và năm 2022	Kế hoạch giai đoạn 2023-2025	
-	Bố trí các công trình dự án; thực hiện các CTMTQG và các nhiệm vụ khác: Kiến thiết đô thị cấp huyện; thực hiện tiêu chí xã NTM nâng cao và huyện NTM; lồng ghép thực hiện các công trình GTNT, thủy lợi nội đồng, trạm y tế, trường học đạt tiêu chí NTM	2.653.070	2.653.070	996.734	1.656.336	
	Trong đó: Đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia	250.000	250.000	62.500	187.500	Biểu số 05
II	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	4.500.000	4.500.000	1.300.000	3.200.000	
I	Ngân sách tỉnh được hưởng		2.514.000	530.000	1.984.000	Biểu số 03
-	Thực hiện nhiệm vụ chung		928.500	223.500	705.000	
-	Bố trí các công trình dự án; thực hiện các CTMTQG và các nhiệm vụ khác: Kiến thiết đô thị cấp huyện; thực hiện tiêu chí xã NTM nâng cao và huyện NTM; lồng ghép thực hiện các công trình GTNT, thủy lợi nội đồng, trạm y tế, trường học đạt tiêu chí NTM		1.585.500	306.500	1.279.000	
2	Ngân sách cấp huyện, xã		1.986.000	770.000	1.216.000	
III	Đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết	110.000	110.000	46.000	64.000	
IV	Bội thu ngân sách địa phương		55.300	55.300		
V	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước và dự phòng		2.718.638	2.718.638		Biểu số 06

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 (bao gồm cả chỉ tiết kế hoạch năm 2021)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025											Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Kế hoạch giai đoạn 2023-2025			
				Năm 2021 và năm 2022 đã giao					Trong đó					
				Tổng số	Nguồn BTMT	Nguồn thu SDB	Nguồn XKST	Bộ thu NSDP	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và dự phòng (vốn giao đầu năm và bổ sung trong năm)		Nguồn BTMT	Nguồn thu SDB	Nguồn XKST	
A	TỔNG SỐ VỐN PHÂN BỐ	7.810.800	10.584.738	5.167.078	1.047.140	1.300.000	46.000	55.300	2.718.638	5.417.660	2.153.660	3.200.000	64.000	
1	Vốn đầu tư tập trung	3.200.800	3.200.800	1.047.140	1.047.140					2.153.660	2.153.660			
-	Dự phòng 10%	320.080	320.080	-						320.080	320.080			
-	Vốn phân bổ 90%	2.880.720	2.880.720	1.047.140	1.047.140					1.833.580	1.833.580			
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	4.500.000	4.500.000	1.300.000		1.300.000				3.200.000		3.200.000		
3	Đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết	110.000	110.000	46.000			46.000			64.000			64.000	
4	Bộ thu ngân sách địa phương		55.300	55.300				55.300						
B	KẾ HOẠCH PHÂN BỐ	2.880.720	10.264.658	5.167.078	1.047.140	1.300.000	46.000	55.300	2.718.638	5.097.580	1.833.580	3.200.000	64.000	
1	Thực hiện nhiệm vụ chung	227.650	1.392.381	510.137	50.406	223.500	5.000	33.200	198.031	882.244	177.244	705.000		
a	Trả nợ vốn vay, hoàn ứng, đối ứng và nhiệm vụ khác (Trả nợ vốn vay; trả nợ NHPT; Trả nợ hợp đồng cầu Đồng Quang; hoàn trả vốn ứng trước; đối ứng các dự án ODA; lập Quy hoạch tỉnh ...)	227.650	577.381	395.137	50.406	108.500	5.000	33.200	198.031	182.244	177.244	5.000		
b	Chi đo đạc, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; chi phí bồi thường GPMB, xây dựng hạ tầng đầu giá đất; thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải giai đoạn 2021-2025	-	815.000	115.000	-	115.000	-	-	-	700.000	-	700.000		
-	Chi đo đạc, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính		415.000	115.000		115.000				300.000		300.000		Nhiệm vụ do cấp tỉnh thực hiện giai đoạn 2023-2025 là 300 tỷ đồng
-	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng đầu giá đất		300.000	-						300.000		300.000		Tổng dư toàn giai đoạn 2023-2025 khoảng 600 tỷ đồng
-	Thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải giai đoạn 2021 - 2025		100.000	-						100.000		100.000		Tổng dư toàn giai đoạn 2021-2025 là 133,7 tỷ đồng
2	Bố trí cho các công trình, dự án	2.653.070	6.886.277	3.886.941	996.734	306.500	41.000	22.100	2.520.607	2.999.336	1.656.336	1.279.000	64.000	
2.1	Bố trí cho các công trình, dự án cấp tỉnh	1.851.907	4.111.235	1.988.399	383.071	123.669	41.000	-	1.440.659	2.122.836	1.468.836	590.000	64.000	
a	Các dự án thuộc danh mục vốn Ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025	908.213	2.001.915	785.272	11.570	42.500	-	-	731.202	1.216.643	896.643	320.000	-	
-	Các công trình quyết toán, hoàn thành và chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 (nhưng không thuộc danh mục bố trí vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025)	151.000	556.366	257.136	1.770	27.000			228.366	299.230	149.230	150.000		
-	Các dự án thuộc danh mục vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025	757.213	1.445.549	528.136	9.800	15.500			502.836	917.413	747.413	170.000		
+	Các dự án đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025	284.213	670.549	276.136	9.800	15.500			250.836	394.413	274.413	120.000		
+	Các dự án khởi công mới	473.000	775.000	252.000					252.000	523.000	473.000	50.000		
b	Các dự án sử dụng ngân sách tỉnh theo ngành, lĩnh vực	943.694	2.109.320	1.203.127	371.501	81.169	41.000	-	709.457	906.193	572.193	270.000	64.000	
-	Các dự án hoàn thành, quyết toán	248.917	400.055	273.712	182.574	20.600	2.000		68.538	126.343	66.343	60.000		

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 2021 -2025 (bao gồm cả chỉ tiết kế hoạch năm 2021)	Kế hoạch điều chỉnh trung hạn 2021 - 2025										Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:									
				Năm 2021 và năm 2022 đã giao						Kế hoạch giai đoạn 2023-2025			
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó		
					Nguồn ĐTTT	Nguồn thu SDB	Nguồn XSKT	B4(thu NSDP	Nguồn tổng thu, chi hiện có và dự phòng (vốn giao đầu năm và bổ sung trong năm)		Nguồn ĐTTT	Nguồn thu SDB	
-	Dự án chuyển tiếp	444.777	1.003.896	588.046	188.927	53.569	3.000		342.550	415.850	255.850	160.000	
-	Dự án khởi công mới	250.000	641.369	341.369		7.000	36.000		298.369	300.000	250.000	50.000	
2.2	Thực hiện các CTMTQG và các nhiệm vụ khác: Kiến thiết đô thị cấp huyện; thực hiện tiêu chí xã NTM nâng cao và huyện NTM; lồng ghép thực hiện các công trình GTNT, thủy lợi nội đồng, trạm y tế, trường học đạt tiêu chí NTM	801.163	2.775.042	1.898.542	613.663	182.831	-	22.100	1.079.948	876.500	187.500	689.000	
	Đổi ứng các chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm cấp tỉnh + huyện)	250.000	1.089.182	445.182	62.500				382.682	644.000	187.500	456.500	
3	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất điều tiết cho ngân sách huyện và xã		1.986.000	770.000		770.000				1.216.000		1.216.000	

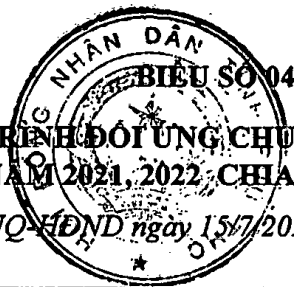


BIỂU SỐ 03
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT
GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 CHIA THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn giai đoạn 2023 - 2025	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	1.984.000	
I	Chia theo ngành, lĩnh vực	1.984.000	
1	Quốc phòng, an ninh	51.000	
2	Giao thông	302.000	
3	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi, thủy sản	77.000	
4	Văn hóa - Du lịch - giáo dục - y tế - khoa học công nghệ	69.000	
5	Môi trường - Công trình công cộng tại các đô thị; Cấp thoát nước- hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước;	91.000	
6	Thực hiện các nhiệm vụ chung và các nhiệm vụ khác	1.394.000	
II	Chia theo dự án thuộc nguồn vốn đầu tư	1.984.000	
1	Các dự án thuộc danh mục đầu tư vốn ngân sách Trung ương	320.000	
-	Các dự án hoàn thành, quyết toán và chuyển tiếp - không được bố trí vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025	150.000	
-	Dự án đầu tư vốn ngân sách trung ương chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025	120.000	
-	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025	50.000	
2	Các dự án đầu tư nguồn ngân sách địa phương	270.000	
-	Dự án hoàn thành, quyết toán	60.000	
-	Dự án chuyển tiếp	160.000	
-	Dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025	50.000	
3	Thực hiện các nhiệm vụ chung và các nhiệm vụ khác	1.394.000	



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐỐI ỨNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
ĐÃ THỰC HIỆN NĂM 2021, 2022, CHIA THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên, danh mục dự án	KH vốn năm 2021, 2022 đã bố trí	Ghi chú
	TỔNG SỐ	367.500	
1	Lĩnh vực giao thông và hạ tầng kỹ thuật	272.150	
2	Nông lâm nghiệp- Thủy lợi	7.000	
3	Giáo dục- đào tạo- dạy nghề- Khoa học công nghệ	68.050	
4	Văn hóa- Xã hội- Y tế	8.800	
5	Lĩnh vực khác	11.500	



VỐN CÂN ĐỐI NGUỒN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG NGÂN SÁCH TỈNH CHIA THEO SỐ ĐIỂM CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Đơn vị	Tiêu chí			Số điểm					Số vốn giai đoạn 2022 - 2025			Ghi chú
		Dân số (Người)	Diện tích (km2)	Đơn vị hành chính	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó:		
						Dân số	Diện tích	Đơn vị hành chính	Tiêu chí bổ sung		Đã phân bổ năm 2022	Kế hoạch giai đoạn 2023 - 2025	
	Tổng số	1.481.884	3.534	225	507	150	176	111	70	250.000	62.500	187.500	
1	Thành phố Việt Trì	217.085	111	22	45	15	9	11	10	22.000	5.500	16.500	
2	Thị xã Phú Thọ	71.175	65	9	33	10	8	5	10	16.000	4.000	12.000	
3	Huyện Đoan Hùng	116.538	302,9	22	39	12	16	11		19.000	4.750	14.250	
4	Huyện Hạ Hòa	105.735	341,5	20	38	11	17	10		19.000	4.750	14.250	
5	Huyện Thanh Ba	117.072	194,7	19	43	12	12	9	10	21.000	5.250	15.750	
6	Huyện Phù Ninh	112.270	157,4	17	41	12	11	8	10	20.000	5.000	15.000	
7	Huyện Yên Lập	94.451	438,2	17	39	11	20	8		19.000	4.750	14.250	
8	Huyện Cẩm Khê	140.004	233,9	24	38	13	13	12		19.000	4.750	14.250	
9	Huyện Tam Nông	89.746	155,6	12	37	10	11	6	10	18.000	4.500	13.500	
10	Huyện Lâm Thao	108.640	98,4	12	36	11	9	6	10	18.000	4.500	13.500	
11	Huyện Thanh Sơn	135.918	621,1	23	44	13	20	11		22.000	5.500	16.500	
12	Huyện Thanh Thủy	86.205	125,7	11	36	10	10	6	10	18.000	4.500	13.500	
13	Huyện Tân Sơn	87.045	688,6	17	38	10	20	8		19.000	4.750	14.250	

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ TỪ NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021 - 2022
(BAO GỒM VỐN GIAO ĐẦU NĂM VÀ BỔ SUNG TRONG NĂM)

(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Vốn đã bố trí			Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022	
	TỔNG CỘNG	2.718.638	1.658.554	1.060.084	
I	Chia theo nhóm ngành, lĩnh vực	2.718.638	1.657.908	1.060.730	
1	Quốc phòng, an ninh	53.241	50.719	2.522	
2	Giao thông	1.938.819	1.231.731	707.088	
3	Nông nghiệp, thủy lợi	91.232	46.135	45.097	
4	Hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn; hoạt động cơ quan quản lý nhà nước; hạ tầng kết nối khu công nghiệp, cụm công nghiệp	205.628	166.896	38.732	
5	Hạ tầng du lịch, văn hóa, thể thao	84.129	37.483	46.646	
6	Giáo dục, Y tế, Khoa học công nghệ, Môi trường	121.843	113.143	8.700	
7	Nhiệm vụ chung, thu hồi các khoản ứng trước	223.745	11.800	211.945	
II	Chia theo cấp chủ đầu tư	2.718.638	1.658.554	1.060.084	
1	Sở, ban, ngành cấp tỉnh làm chủ đầu tư	1.123.172	778.533	344.639	
2	UBND cấp huyện làm chủ đầu tư	1.595.466	880.021	715.445	